

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày: 13-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Thẩm phán Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Điều

Ông Phạm Hiến

Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2020/TLST- HS ngày 08/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HS ngày 28/02/2020 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thành Gi**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1986 tại: Bình Phước; nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, ấp 2, xã T L, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn H và bà Trần Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Thị Nở; sinh năm: 1983, thuộc Văn phòng luật sư Thành Vinh. Có mặt.

Địa chỉ: Số 703 Quốc lộ 14, thị xã Đ X, tỉnh Bình Phước.

Bị hại:

1. Anh Phan Thành Th; sinh năm: 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ L; sinh năm: 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Anh Lữ Đình L1; sinh năm: 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Th B, phường T B, thành phố Đ X, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Tuyết Nh; sinh năm: 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Số 195/2A Khu phố Th H B, phường A Th, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương.

2. Chị Nguyễn Thị H1; sinh năm: 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, xã T L, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành Gi và bà Trần Thị Tuyết Nh, sinh năm 1961, HKTT: 195/2A, khu phố Th H B, phường A Th, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương là hai dì cháu ruột. Do tin tưởng và muốn tạo điều kiện cho Gi làm ăn, bà Nh đã mua 02 xe ô tô gồm một chiếc 16 chỗ nhãn hiệu Ford Transit, biển số 61B-018.83 và một chiếc 04 chỗ nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển số 61A-430.68 giao cho Gi chạy dịch vụ. Tuy nhiên sau khi nhận xe từ bà Nh, Gi đã có hành vi dùng 02 xe ô tô này mang đi cầm cố và chiếm đoạt tiền cầm cố, chuyển nhượng, cụ thể:

1. Vụ thứ nhất: Vào tháng 9/2016, bà Trần Thị Tuyết Nh mua 01 xe ô tô loại 16 chỗ, nhãn hiệu Ford Transit, biển số 61B-018.83 giao cho Gi quản lý và chạy dịch vụ, thỏa thuận mỗi tháng trả lương cho Gi 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Đến tháng 6/2017 do cần tiền trả nợ, Gi vay của vợ chồng anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1983, và chị Võ Thị Bạch T2, sinh năm 1979, cư trú tại: thôn 3, xã N T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thỏa thuận thời hạn trả là 10 ngày, việc vay có viết giấy biên nhận. Sau đó, do chưa có tiền trả nên Gi đưa xe trên cho vợ chồng anh T1 làm tin. Khoảng 10 ngày sau khi giao xe cho vợ chồng anh T1, Gi trả trước 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc và 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền lãi, nợ lại số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Do vợ chồng anh Tâm cho vay lãi suất cao và không có tiền trả các khoản nợ bên ngoài và tiêu xài cá nhân nên khoảng 10 ngày sau Gi gọi điện thoại cho anh Phan Thành Th, sinh năm 1977, cùng vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988, cư trú tại: thôn 3, xã N T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (Th là đồng nghiệp chạy xe cùng Gi) đề nghị vợ chồng anh Th nhận cầm xe ô tô loại 16 chỗ, nhãn hiệu Ford Transit, biển số 61B-018.83, Gi nói với vợ chồng

anh Th nguồn gốc xe trên là của Gi, vì không hợp tuổi nên nhờ bà Nh đứng tên dùng nên anh Th tin tưởng và đồng ý nhận cầm cố. Vợ chồng anh Th cho Gi vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn trả, thống nhất Th được phép dùng xe chạy dịch vụ để thu lợi nhuận thay thế việc lấy tiền lãi từ Gi, việc vay có viết giấy vay và anh Th giữ giấy này. Gi dùng 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) trong số tiền vay được của Th đem trả cho T1 (trong đó tiền nợ gốc là 70.000.000đ và 5.000.000đ là tiền lãi suất) rồi lấy xe bàn giao cho vợ chồng Th. Khoảng 01 tháng sau Gi vay thêm của vợ chồng anh Th 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và có viết thêm vào tờ giấy cũ là tổng số tiền Gi vay anh Th là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Sau đó, Gi tiếp tục nhiều lần đề nghị Th cho vay thêm tổng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), những lần này không viết giấy vay gì. Đến ngày 07/2/2018, Th yêu cầu Gi phải trả tổng số nợ là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) nhưng không có tiền nên Gi đề nghị bán xe cho Th để cân trừ nợ, thỏa thuận giá bán là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Việc bán xe được L1 thành hợp đồng, Th đưa thêm cho Gi số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thỏa thuận sau khi làm thủ tục sang tên sẽ trả số tiền còn thiếu là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), Th đưa lại cho Gi tờ giấy vay tiền cũ để Gi hủy, còn Th giữ hợp đồng bán xe [Bút lục 60-61]. Gi dùng số tiền chiếm đoạt được vào mục đích tiêu xài và trả nợ. Sau đó bà Nh nhiều lần ghé nhà Gi để kiểm tra không thấy xe trên thì Gi bịa ra lý do là đưa xe vào công ty chạy dịch vụ, mỗi tháng công ty trả 30 triệu đồng, 06 tháng thanh toán một lần để bà Nh tin tưởng và không hỏi về xe này nữa. Một thời gian sau, Th đề nghị Gi liên hệ bà Nh làm thủ tục sang tên nhưng Gi luôn tìm cách né tránh, đưa ra thông tin gian dối nói bà Nh đang ở nước ngoài và đưa số điện thoại không phải của bà Nh cho Th rồi tắt máy và cắt đứt liên lạc với Th. Sau đó Th tìm và trực tiếp liên hệ được với bà Nh nên biết được xe ô tô nêu trên không phải của Gi, việc Gi bán xe không được bà Nh đồng ý. Đến ngày 25/9/2019, Th giao nộp chiếc xe nêu trên và có đơn tố cáo hành vi phạm tội của Gi. [Bút lục số 77-126; Bút lục số 131-148; Bút lục 154-173]

2. Vụ thứ hai: Trong khi đang cầm cố xe ô tô loại 16 chỗ, nhãn hiệu Ford Transit, biển số 61B-018.83 cho Th, vào khoảng tháng 01/2018 Gi tiếp tục đề nghị bà Nh mua thêm xe ô tô để Gi chạy dịch vụ đám cưới. Bà Nh tin tưởng nên tiếp tục mua 01 xe ô tô 04 chỗ nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển số 61A-430.68 rồi giao xe cho Gi. Khoảng cuối tháng 01/2018 Gi đến gặp anh Lữ Đình L1, sinh năm 1990, cư trú tại: tổ 04, khu phố Th B, phường T B, thành phố Đ X, tỉnh Bình Phước vay số tiền 10 triệu đồng, với lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến tháng 02/2018 Gi trả cho L1 số tiền lãi của 10 triệu đồng là 3 triệu đồng rồi tiếp tục vay thêm của anh L1 số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) tổng cộng vay 02 lần là 100.000.000đ và đề nghị cho cầm xe trên.

Gi đưa thông tin nguồn gốc xe là của Gi, do không hợp tuổi nên nhờ bà Nh đứng tên dùm. Do đã có quá trình quen biết và tin tưởng là xe của Gi nên L1 tin tưởng đồng ý cho vay, L1 hợp đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, không thỏa thuận thời hạn vay. Thời gian này bà Nh có đến nhà Gi và không thấy xe nên có hỏi Gi thì Gi bịa ra rằng cho công ty thuê chạy dài hạn, mỗi tháng công ty trả 12 triệu đồng và 06 tháng thanh toán một lần để bà Nh tin tưởng và không hỏi về xe này nữa. Đến ngày 22/5/2018 mặc dù chưa trả tiền vay gốc và lãi suất nhưng Gi vẫn đề nghị vay thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) từ L1 thì L1 đồng ý. L1 và Gi thống nhất số tiền nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), trong đó 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền lãi suất của 100.000.000đ trước đó. L1 viết hợp đồng vay mới và đưa hợp đồng cũ cho Gi, Gi cam kết sau 01 tháng sẽ trả đủ [Bút lục số 63]. Quá trình vay, Gi không trả tiền vay gốc và lãi suất mà chiếm đoạt để tiêu xài, trả nợ. Đến hẹn, anh L1 đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng Gi luôn tìm cách né tránh và cắt đứt liên lạc với anh L1. Qua liên hệ với bà Nh nên L1 biết được xe ô tô nêu trên không phải của Gi, việc Gi cầm xe không được bà Nh đồng ý. Đến ngày 03/10/2019, anh L1 giao nộp chiếc xe nêu trên và có đơn tố cáo hành vi phạm tội của Gi [Bút lục số 77-126; Bút lục 154-173].

Sau khi biết việc Gi đã dùng tài sản của mình đem bán, cầm cố cho người khác, ngày 21/8/2019 bà Nh có đơn tố cáo hành vi phạm tội của Gi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước [Bút lục số 02].

Theo kết luận giám định số 64/2019/GĐ-TL ngày 29/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước thì chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thành Gi” dưới mục “Người bán” trên hợp đồng mua bán xe giữa Gi và Th là của Nguyễn Thành Gi [Bút lục số 39-41].

*** Vật chứng vụ án:**

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit, biển số 61B-018.83 và bản gốc các giấy tờ liên quan đến xe gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035682, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 190049046, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0410642 ngày 25/9/2019 anh Phan Thành Th đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển số 61A-430.68 ngày 03/10/2019 anh Lữ Đình L1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước

- 01 bản gốc giấy bán xe ngày 07/02/2018, người bán là Nguyễn Thành Gi, có chữ ký và chữ viết tên người bán xe là Nguyễn Thành Gi; 01 bản gốc

hợp đồng vay tiền ngày 22/5/2018 người cho vay là Lữ Đình L1, người vay là Nguyễn Thành Gi, có chữ ký chữ viết tên người vay là Nguyễn Thành Gi.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKS-P3 ngày 02/01/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thành Gi về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại anh Phan Thành Th, chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo trả lại 500.000.000 đồng tiền gốc, anh Lữ Đình L1 yêu cầu bị cáo hoàn trả 150.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý trả toàn bộ số tiền mà các bị hại yêu cầu. Ngoài ra, các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức án thấp hơn mức án mà Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đề xuất.

Người có nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tuyết Nh, chị Nguyễn Thị Hạnh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Gi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 12 năm – 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh Th, chị L số tiền 500.00.000 đồng, bồi thường cho anh L1 150.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Lưu trong hồ sơ vụ án 01 bản gốc giấy bán xe ngày 07/02/2018, người bán là Nguyễn Thành Gi, có chữ ký và chữ viết tên người bán xe là Nguyễn Thành Gi; 01 bản gốc hợp đồng vay tiền ngày 22/5/2018 người cho vay là Lữ Đình L1, người vay là Nguyễn Thành Gi, có chữ ký chữ viết tên người vay là Nguyễn Thành Gi.

Quan điểm của luật sư Trần Thị Nở bào chữa cho bị cáo:

Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện Kiểm sát tỉnh truy tố đối với bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình; tại phiên tòa các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành Gi khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Xét thấy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, vật chứng của vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Do nợ nần từ trước, sau khi nhận được 02 xe ô tô từ di ruột của mình là bà Trần Thị Tuyết Nh giao để chạy dịch vụ, Nguyễn Thành Gi đã dùng 02 xe ô tô trên để cầm cố, chuyển nhượng nhằm chiếm đoạt tiền cầm cố và chuyển nhượng. Cụ thể vào tháng 07/2017 Gi đưa ra thông tin gian dối với vợ chồng anh Th, chị L xe ô tô mang biển số 61B-018.83 của Gi làm cho anh Th, chị L tin tưởng và giao cho Gi với số tiền 500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng xe, với thủ đoạn này vào tháng 02/2018 Gi tiếp tục đưa ra thông tin gian dối đối với anh L1 xe ô tô mang biển số 61A-430.68 là xe của Gi, để anh L1 tin tưởng nhận cầm cố và giao cho Gi 150.000.000 đồng. Như vậy Nguyễn Thành Gi đã chiếm đoạt của vợ chồng anh Th, chị L và anh L1 tổng số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Do đó Cáo trạng số 01/CTr-VKS-P3 ngày 02/01/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thành Gi về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo là người đủ năng lực hành vi dân sự hoàn toàn biết được việc dùng tài sản của người khác rồi đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc tài sản để cầm cố, chuyển nhượng sau đó chiếm đoạt số tiền cầm cố, chuyển nhượng của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản

của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện 02 lần phạm tội nên thuộc trường hợp “ Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có hoàn cảnh khó khăn; các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phan Thành Th, chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành Gi bồi thường số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) không yêu cầu lãi suất, anh Lữ Đình L1 yêu cầu bị cáo Gi bồi thường tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) không yêu cầu lãi suất. Bị cáo thống nhất việc bồi thường các khoản tiền cho các bị hại là phù hợp pháp luật cần ghi nhận.

Bà Trần Thị Tuyết Nh không yêu cầu Gi phải bồi thường những thiệt hại trong việc Gi dùng 02 xe ô tô biển số 61B-018.83 và 61A-430.68 để thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với hành vi L1 nhận cầm xe 04 chỗ nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển số 61A-430.68 cho Gi vay, thỏa thuận lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, không thỏa thuận thời hạn vay. Việc L1 cho Gi vay có thỏa thuận lãi suất nhưng L1 chưa thu lợi trong việc cho vay này, ngoài ra L1 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này. Vì vậy, hành vi của L1 không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng”.

- Qua xác minh, xác định được ngoài số tiền trên vào tháng 02/2018 Gi có vay của Phạm Văn T3 số tiền 50.000.000 đồng; vào tháng 9/2018 Gi có vay của chị Phan Thị Mỹ H3 số tiền 190.000.000 đồng. Tuy nhiên việc cho Gi vay tiền của anh T3 và chị H3 là tự nguyện, Gi không đưa ra thông tin gian dối khiến anh T3, chị H3 tin tưởng cho vay. Xét thấy không có sự việc phạm tội mà chỉ là giao dịch dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

- Đối với vợ chồng Nguyễn Thành T1, Phạm Văn T3, Phan Thị Mỹ H3 đã cho Gi vay tiền lãi suất cao và việc vợ chồng Phan Thành Th, Lữ Đình L1 nhận cầm xe ô tô không phải do Gi đứng tên chủ sở hữu để cho vay tiền. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước tách ra và có công văn đề nghị số 2249,

2250, 2251 ngày 06 tháng 12 năm 2019 đề nghị Công an thành phố Đ X, Công an huyện B Đ, Công an huyện Đ P tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: giải quyết theo quy định pháp luật tố tụng hình sự

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng điều luật và đề nghị mức án xử phạt bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[8]. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo có một phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[10]. Án phí dân sự: Bị cáo phải chịu 30.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Gi phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Gi 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành Gi bồi thường cho các bị hại Phan Thành Th và Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 500.000.000 đồng; Buộc bị cáo Gi bồi thường cho bị hại Lữ Đình L1 số tiền 150.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Lưu theo hồ sơ các vật chứng: 01 bản gốc giấy bán xe ngày 07/02/2018, người bán là Nguyễn Thành Gi, có chữ ký và chữ viết tên người bán xe là Nguyễn Thành Gi; 01 bản gốc hợp đồng vay tiền ngày 22/5/2018 người cho vay là Lữ Đình L1, người vay là Nguyễn Thành Gi, có chữ ký chữ viết tên người vay là Nguyễn Thành Gi.

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành Gi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành Gi phải chịu 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước; PV06;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQL,NVLQ;
- Người bào chữa;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Hùng